

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng  
(điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ  
Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành  
tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số  
điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14  
và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4  
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số  
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung  
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số  
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây  
dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội  
dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30  
tháng 6 năm 2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp  
dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31  
tháng 8 năm 2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư  
xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 ban hành định mức  
xây dựng;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 52/NQ-HĐND ngày  
17 tháng 7 năm 2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường từ Quốc  
lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân  
Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành,  
huyện Thường Xuân); số 123/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của HĐND*

*tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2267/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân); kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 2147/SGTVT-TĐKHKT ngày 28 tháng 4 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân) với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân).

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Từng bước hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông khu vực; tạo cửa ngõ mới vào huyện Thường Xuân, tránh được việc ách tắc cục bộ cho tuyến Quốc lộ 47 thuộc xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân. Qua đó, giúp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Thường Xuân và các vùng phụ cận của huyện Thọ Xuân.

### **6. Quy mô đầu tư xây dựng:**

Đầu tư xây dựng mới 7,55km đường giao thông; cụ thể như sau:

- Phần đường: Đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng (theo TCVN 4054-2005), có vận tốc thiết kế  $V_{tk}=40\text{km/h}$ . Công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT, tải trọng H30-XB80; tần suất thủy văn  $P=4\%$ .

- Phần cầu: Xây dựng mới bằng BTCT và BTCT dự ứng lực (theo TCVN 11823-2017); tần suất thủy văn đối với cầu nhỏ  $P=4\%$ , cầu trung  $P=1\%$ ; khổ cầu phù hợp với bề rộng nền đường; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ  $3 \times 10^{-3}$  Mpa.

## 7. Giải pháp thiết kế chủ yếu

7.1. Bình đồ: Hướng tuyến được lựa chọn trên cơ sở chủ trương đầu tư dự án. Tuyến đi mới hoàn toàn, qua khu vực đồng ruộng và đồi, cục bộ một số điểm dân cư, qua sông Đản và kết nối với đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao.

- Điểm đầu: Km0+00, giao với đường Hồ Chí Minh tại Km570+810, thuộc địa phận xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân.

- Điểm cuối: Km7+550, kết nối với đường Xuân Cao đi xã Luận Thành, tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân, thuộc dự án Xây dựng cầu Tô Ròng, huyện Thường Xuân đang được đầu tư xây dựng.

Tổng số có 18 đường cong, bán kính nhỏ nhất  $R_{\min}=150\text{m}$ .

7.2. Cắt dọc: Cao độ đường đò được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế (cầu, đường ngang) và tần suất thủy văn tính toán. Độ dốc dọc lớn nhất  $I_{\max}=8,0\%$ .

7.3. Cắt ngang: Chiều rộng nền đường  $B_n=7,5\text{m}$ , chiều rộng mặt đường  $B_m=5,5\text{m}$ ; gia cố mở rộng mặt đường  $B_{gc}=2\times 0,5\text{m}=1\text{m}$ ; lề đất  $B_{ld}=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$ . Độ dốc ngang mặt đường hai mái  $i_m=2\%$ , lề đất  $i_l=4\%$ .

7.4. Kết cấu áo đường: Mặt đường bằng bê tông nhựa có cường độ yêu cầu  $E_{yc}\geq 135\text{Mpa}$ , gồm các lớp:

- Lớp mặt: Bằng bê tông nhựa chặt C19 (BTN C19) dày 7cm, tưới thấm bám tiêu chuẩn nhựa  $1,0\text{kg/m}^2$ .

- Lớp móng: Bằng cấp phối đá dăm có tổng chiều dày 45cm, gồm lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 15cm và lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

7.5. Nền đường:

- Nền đào: Mái taluy 1/0,75-1/1 tùy thuộc cấp đất, những vị trí có chiều cao mái taluy lớn hơn 12m được cắt cơ tạo bậc thềm với chiều cao cấp thứ nhất  $h=8\text{m}$ , bậc thềm rộng 2m, dốc ra ngoài; lớp sát đáy áo đường dày 30cm được xáo xới đầm lên lại đạt độ chặt  $K\geq 0,98$ .

- Nền đắp: Đắp bằng đất từ đất đào hạ nền đạt độ chặt  $K\geq 0,95$ , lớp sát đáy áo đường dày 50cm đạt  $K\geq 0,98$ ; mái taluy đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ, cục bộ một số vị trí đắp qua khu vực đọng nước thường xuyên gia cố một phần mái taluy bằng bê tông xi măng (BTXM).

7.6. Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc hình thang kích thước lòng  $(40+120)\times 40\text{cm}$ , những vị trí dễ bị xói lở được gia cố bằng bê tông xi măng M150 và mặt đường được mở rộng đến mép rãnh.

7.7. Cổng và cầu nhỏ: Xây dựng mới 29 cổng và cầu nhỏ, gồm: 03 cầu bản khẩu độ 8,68m và 26 cổng bản, cổng tròn, cổng hộp các loại; cấu tạo bằng bê tông, BTCT. Chiều rộng cầu  $B_c=8,0\text{m}$ , chiều dài cổng bằng chiều rộng nền đường; móng đặt trên nền thiên nhiên.

### 7.8. Cầu Km5+462:

Cầu vượt sông Đăn, nằm trên đường thẳng, độ dốc dọc  $i=0\%$ ; hướng vuông góc với dòng chảy, sông không thông thuyền, có cây trôi.

Cầu gồm 03 nhịp dài 33m, chiều dài cầu đến đuôi mố  $L=108,80\text{m}$ ; chiều rộng  $B_c = (0,5+7,0+0,5)\text{m} = 8,0\text{m}$ .

- Kết cấu phần trên: Dầm giản đơn bằng BTCT DUL 40Mpa tiết diện chữ I; mặt cắt ngang gồm 04 phiến dầm I đặt cách nhau 2m, chiều dài 33m, chiều cao 1,65m; dầm có 05 bó cáp, mỗi bó có 12 tao xoắn gồm 7 sợi có đường kính 12,7mm; liên kết các dầm chủ bằng 05 dầm ngang BTCT 30Mpa; bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 20cm; gờ cầu dùng loại cao su cốt bản thép; khe co giãn bằng bản thép răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa, cửa thu nước và nắp chắn rác bằng gang đúc; lan can bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT 25Mpa; lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$ , chống thấm mặt cầu bằng vật liệu dạng dung dịch.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu: Hai mố cầu có cấu tạo giống nhau, dạng mố nặng chữ U bằng BTCT 30Mpa. Móng mố đặt trên hệ 05 cọc khoan nhồi  $D1,0\text{m}$  bằng BTCT 30Mpa. Bản quá độ bằng BTCT 25Mpa.

+ Trụ cầu: 02 trụ (T1, T2) có cấu tạo dạng đặc thân hẹp bằng BTCT 30Mpa; bệ đặt trên 05 cọc khoan nhồi  $D1,0\text{m}$  bằng BTCT 30Mpa.

- Tứ nón và đường hai đầu cầu: 10m sau đuôi mố được vuốt nổi từ  $B_n=8\text{m}$ ,  $B_m=7\text{m}$  về  $B_n=7,5\text{m}$ ,  $B_m=6,5\text{m}$ ; kết cấu áo đường như phần tuyến; gia cố tứ nón bằng BTXM M200, chân khay bằng BTXM M150.

7.9. Nút giao: Tuyến có 02 nút giao, ngã tư đầu tuyến với đường Hồ Chí Minh tại Km570+810 và ngã ba cuối tuyến với đường Xuân Cao đi xã Luận Thành, được thiết kế giao bằng, bán kính nhánh rẽ đảm bảo theo tiêu chuẩn cấp đường, bố trí làn chờ có  $B_m=3,5\text{m}$ , kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao tương tự như phần tuyến. Tổ chức giao thông bằng biển báo, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc trên nhánh tại nút giao; đèn tín hiệu có điều khiển, đèn chiếu sáng đối với nút giao đầu tuyến; đèn cảnh báo nguy hiểm đối với nút giao cuối tuyến.

7.10. Đường ngang: Vuốt nổi đảm bảo êm thuận, độ dốc dọc  $i \leq 6\%$ ; các nhánh rẽ được mở rộng để đảm bảo an toàn giao thông; kết cấu mặt đường bằng BTXM hoặc BTN tùy theo kết cấu mặt đường hiện trạng.

7.11. An toàn giao thông: Bố trí tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT, bao gồm: cột km, cọc H, cọc tiêu, biển báo, vạch sơn phản quang, hộ lan tôn sóng, đèn cảnh báo nguy hiểm, đèn tín hiệu có điều khiển.

*(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).*

### **8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng**

- Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân và các xã Thọ Thanh, Xuân Cao, huyện Thường Xuân.

- Diện tích đất sử dụng: khoảng 16,5ha.

### **9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

### **10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn**

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 2147/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/4/2022 của Sở Giao thông vận tải.

### **11. Tổng mức đầu tư: 202.000.000.000 đồng (Hai trăm linh hai tỷ đồng).**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	45.003.420.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	130.017.227.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.068.456.000	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	9.161.228.000	đồng
- Chi phí khác:	2.625.229.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	13.124.440.000	đồng

*(chi tiết có phụ biểu Tổng mức đầu tư kèm theo)*

**12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:** Ngân sách Trung ương 80 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 20 tỷ đồng; ngân sách huyện Thường Xuân và các nguồn huy động hợp pháp khác 102 tỷ đồng.

### **13. Thời gian thực hiện:** Năm 2022-2025.

### **14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư**

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND các huyện: Thọ Xuân, Thường Xuân làm Chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ ý kiến các ngành liên quan và kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 2147/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/4/2022.

- UBND các huyện: Thọ Xuân, Thường Xuân tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3- QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

## PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự án: Đường nối từ Quốc lộ 47 đi cầu Tổ Rồng (Điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luện Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân)

(Kèm theo Quyết định số:            /QĐ-UBND ngày            /            /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Giải phóng mặt bằng</b>	Khái toán	<b>45.003.420.000</b>
<b>II</b>	<b>Xây dựng</b>	Dự toán chi tiết	<b>130.017.227.000</b>
<b>III</b>	<b>Quản lý dự án</b>	1,750% x 118.197.479.879	<b>2.068.456.000</b>
<b>IV</b>	<b>Tư vấn đầu tư xây dựng</b>	cộng 1-13	<b>9.161.228.000</b>
1	Khảo sát lập BCNCKT	Quyết định của Ban QLDA	1.829.056.000
2	Lập báo cáo NCKT		471.520.000
3	Thiết kế, thi công cắm cọc GPMB và MLG	Khái toán	600.000.000
4	Khảo sát bước lập BVTC		1.800.000.000
5	Thiết kế BVTC và dự toán	1,044% x 1,1 x 118.197.479.879	1.357.380.000
6	Lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát		103.883.000
6.1	Bước lập báo cáo NCKT	Quyết định của Ban QLDA	49.883.000
6.2	Bước thiết kế BVTC	3,00% x 1,1 x 1.636.363.636	54.000.000
7	Chi phí giám sát khảo sát		141.004.000
7.1	Bước lập báo cáo NCKT	Quyết định của Ban QLDA	67.708.000
7.2	Bước thiết kế BVTC	4,072% x 1,1 x 1.636.363.636	73.296.000
8	Chi phí thẩm tra		310.628.000
8.1	Chi phí thẩm tra thiết kế	0,082% x 1,1 x 118.197.479.879	106.614.000
8.2	Thẩm tra dự toán công trình	0,080% x 1,1 x 118.197.479.879	104.014.000
8.3	Thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng	Khái toán	100.000.000
9	Chi phí giám sát thi công		2.151.003.000
9.1	Giám sát thi công xây dựng	1,634% x 1,1 x 118.197.479.879	2.124.482.000
9.2	Giám sát công tác rà phá bom mìn, vật nổ	3,203% x 1,1 x 752.727.273	26.521.000
10	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Khái toán	100.000.000
11	Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu		162.498.000
11.1	Gói thầu khảo sát, lập BCNCKT	Quyết định của Ban QLDA	12.599.000
11.2	Gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC	0,535% x 1,1 x 3.415.799.872	20.102.000
11.3	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	0,084% x 1,1 x 118.492.973.579	109.488.000
11.4	Gói thầu tư vấn giám sát	0,707% x 1,1 x 1.931.346.821	15.020.000

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Cách tính</b>	<b>Thành tiền</b>
11.5	Gói thầu kiểm toán độc lập	0,816% x 1,1 x 589.291.747	5.289.000
12	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT các gói thầu		109.416.000
12.1	Khảo sát, lập BCNCKT	Quyết định số 220/QĐ-BQLDA ngày 01/09/2021	2.000.000
12.2	Khảo sát, thiết kế BVTC	0,10% x 3.415.799.872	3.416.000
12.3	Xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Mức tối đa theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP	100.000.000
12.4	Gói thầu tư vấn giám sát	Mức tối thiểu theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP	2.000.000
12.5	Gói thầu kiểm toán độc lập		2.000.000
13	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả RPBM, vật nổ	3,00% x 1,1 x 752.727.273	24.840.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	cộng 1-8	<b>2.625.229.000</b>
1	Thẩm định dự án đầu tư	0,010% x 0,5 x 202.000.000.000	10.100.000
2	Thẩm định thiết kế BVTC	0,016% x 118.197.479.879	18.675.000
3	Thẩm định dự toán xây dựng	0,016% x 118.197.479.879	18.321.000
4	Chi phí kiểm toán	0,312% x 1,1 x 188.875.560.000	648.221.000
5	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,205% x 0,5 x 188.875.560.000	193.597.000
6	Bảo hiểm công trình	0,250% x 1,1 x 118.197.479.879	325.043.000
7	Rà phá bom mìn, vật nổ	Khái toán	828.000.000
8	Các chi phí khác		583.272.000
8.1	Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công		216.000.000
8.2	Chi phí nền, móng trạm trộn BTXM	Khái toán	298.675.000
8.3	Chi phí đảm bảo ATGT phục vụ thi công		68.597.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	cộng 1-2	<b>13.124.440.000</b>
1	Dự phòng khối lượng	4,47% x (I+II+III+IV+V)	8.440.326.000
2	Dự phòng trượt giá	2,48% x (I+II+III+IV+V)	4.684.114.000
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>(I+II+III+IV+V+VI)</b>	<b>202.000.000.000</b>